

Số: 07/QĐ-THPT

Giồng Riềng, ngày 16 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2022**  
**của trường THPT Giồng Riềng**

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/07/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;*

*Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-SGDĐT ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022.*

*Xét đề nghị của bộ phận Kế toán,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của trường THPT Giồng Riềng (có bảng chi tiết đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận tài vụ, giáo viên, nhân viên trường THPT Giồng Riềng chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Bộ phận tài vụ;
- Lưu :VT.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Đàm Thành Lạc**



Số: 51/QĐ-SGDĐT

Kiên Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022

### GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc ban hành Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 đối với các sở, ban, ngành tỉnh;

Theo Thông báo số 27/TB-STC ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Sở Tài chính về việc thẩm tra phương án phân bổ dự toán chi tiết kinh phí năm 2022.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (theo phụ lục 1 đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 được giao: Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm lập dự toán chi tiết để thực hiện, bảo đảm việc quản lý chặt chẽ, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ được giao; đồng thời đề ra các biện pháp tổ chức thực hiện đúng quy định của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận :

- Sở Tài chính (bản tổng hợp);
- KBNN tỉnh (bản tổng hợp);
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT; KHTC.



GIÁM ĐỐC

Trần Quang Bảo



**DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022**

Đơn vị : Trường THPT Giồng Riềng

Hoạt động: Giáo dục Trung học phổ thông

Mã số 074

(Kèm theo Quyết định số 51 /QĐ-SGDĐT ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo )

20

Đơn vị tính: ngàn đồng

| Stt       | Nội dung   | Tổng số           | Ghi chú |
|-----------|--|-------------------|---------|
| <b>I</b>  | <b>Thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>           |                   |         |
| <b>1</b>  | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          | <b>1.683.000</b>  |         |
| <b>2</b>  | <b>Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại</b>        | <b>1.683.000</b>  |         |
| 2.1       | Bố trí chi 40% CCTL                                | 673.200           |         |
| 2.2       | Để lại chi bổ sung chi tại đơn vị                  | 1.009.800         |         |
| <b>II</b> | <b>Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước cấp</b>     | <b>12.832.236</b> |         |
|           | <b>Trong đó:</b>                                   |                   |         |
| <b>1</b>  | <b>Kinh phí giao tự chủ (MNNS 13)</b>              | <b>12.832.236</b> |         |
|           | <i>Chi khác (Mục 7750)</i>                         | 12.832.236        |         |
| <b>2</b>  | <b>Kinh phí không giao tự chủ (MNNS 12)</b>        |                   |         |
|           | <i>P/cấp lương (Mục 6100)</i>                      |                   |         |
|           | <i>Học bổng hs, sv (Mục 6150)</i>                  |                   |         |
|           | <i>Tiền thưởng(Mục 6200)</i>                       |                   |         |
|           | <i>Các khoản đóng góp (Mục 6300)</i>               |                   |         |
|           | <i>Các khoản thanh toán khác... (Mục 6400)</i>     |                   |         |
|           | <i>Thanh toán dịch vụ công cộng (Mục 6500)</i>     |                   |         |
|           | <i>Văn phòng phẩm (Mục 6550)</i>                   |                   |         |
|           | <i>Thông tin, tuyên truyền liên lạc (Mục 6600)</i> |                   |         |
|           | <i>Hội nghị (Mục 6650)</i>                         |                   |         |
|           | <i>Công tác phí (Mục 6700)</i>                     |                   |         |
|           | <i>Chi phí thuê mướn (mục 6750)</i>                |                   |         |
|           | <i>Sửa chữa tài sản...(Mục 6900)</i>               |                   |         |
|           | <i>Mua sắm tài sản dùng cho CM (Mục 6950)</i>      |                   |         |
|           | <i>Chi phí nghiệp vụ (Mục 7000)</i>                |                   |         |

**Ghi chú:**

- Đối với các đơn vị có nguồn thu yêu cầu giữ lại 40% nguồn thu từ học phí, nguồn thu dịch vụ (Cần tin, giữ xe...) để tạo nguồn chi tăng lương theo quy định (đối với nguồn thu dịch vụ, trích 40% là số thu còn lại sau khi trang trải các khoản chi phí).
- Đối với nguồn thu dạy thêm, học thêm số dư dự toán còn lại chuyển sang năm sau, trước khi sử dụng (số dư chuyển sang) phải trích 40% để thực hiện cải cách tiền lương.
- Đơn vị thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, đề nghị xây dựng phương án, xác định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị gửi Sở GD&ĐT tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, ra quyết định.



Số: 761 /QĐ-SGDĐT

Kiên Giang, ngày 01 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022**

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kiên Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 đối với các sở, ban, ngành tỉnh;*

*Theo Thông báo số 280/TB-STC ngày 01/7/2022 của Sở Tài chính về việc thẩm tra điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay điều chỉnh dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2022 giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các đơn vị trực thuộc thực hiện chi chế độ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2022 theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông; Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông (*phụ lục 1 đính kèm*).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán điều chỉnh chi ngân sách năm 2022; Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm lập dự toán chi tiết để thực hiện, bảo đảm việc quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ được giao; đồng thời đề ra các biện pháp tổ chức thực hiện đúng quy định của Nhà nước.

**Điều 3.** Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

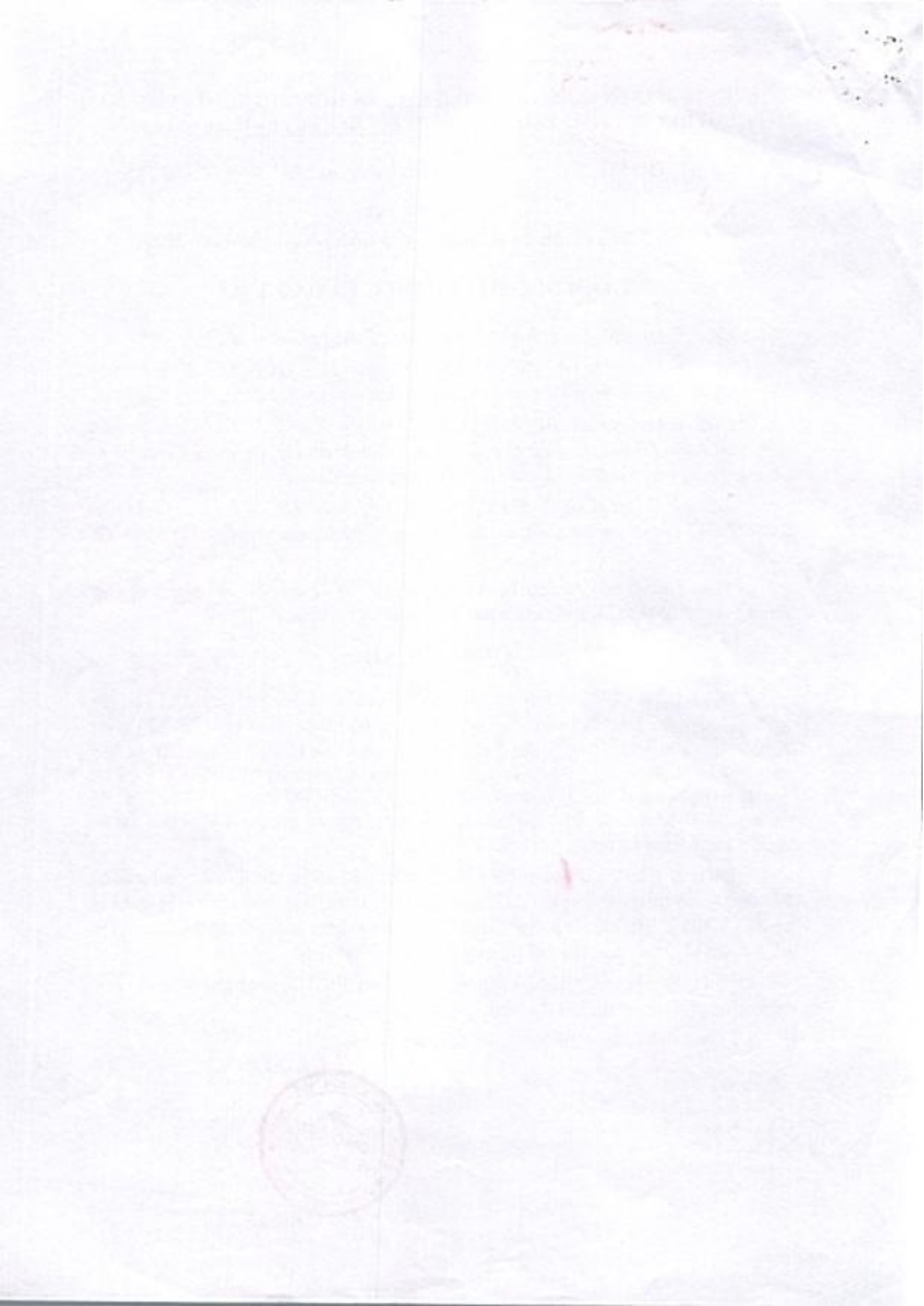
Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Nơi nhận :**

- Sở Tài chính (bản tổng hợp);
- KBNN tỉnh, huyện; thành phố
- Các đơn vị trực thuộc
- Lưu: VT; KHTC.



Thiếu Văn Nam







**DIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2022**

Đơn vị: Trường THPT Giồng Riềng

Hoạt động: Giáo dục Trung học phổ thông

Mã số 074

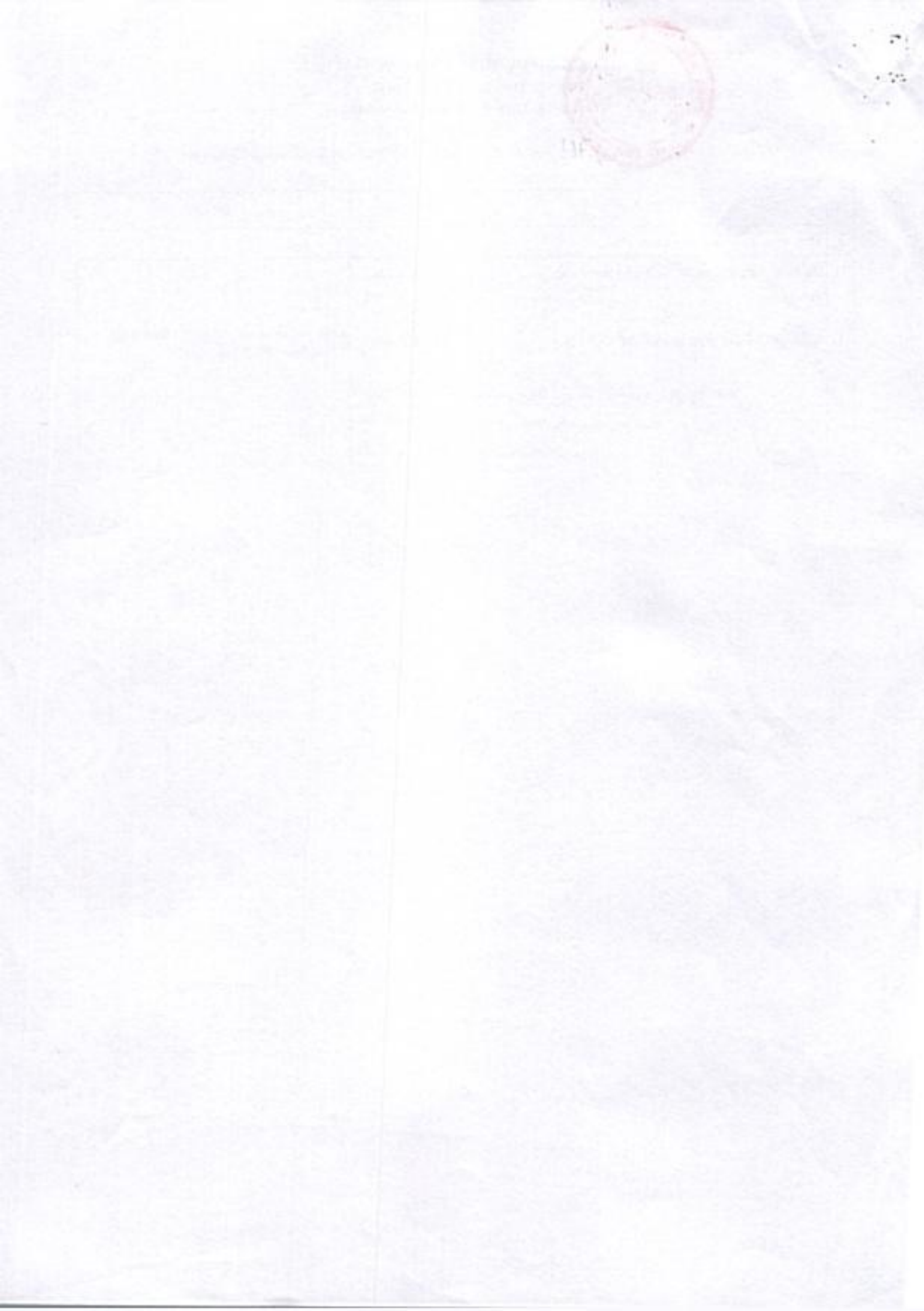
(Kèm theo Quyết định số 76/QĐ-SGDĐT ngày 01/7/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

lưu ĐV

21

Đơn vị tính: đồng

| Stt | Nội dung                                | Tổng số     | Ghi chú   |
|-----|---|-------------|---|
| I   | Thu, chỉ ngân sách vé phí, lệ phí       |             |   |
| II  | Dự toán thu, chỉ ngân sách nhà nước cấp | 127.369.400 |   |
|     | Trong đó:                               |             |   |
| I   | Kinh phí không giao tự chủ (MNNS 12)    | 127.369.400 | Kinh phí phục vụ cho kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2022 |
|     | Các khoản thanh toán khác... (Mục 6400) | 118.640.000 |   |
|     | Văn phòng phẩm (Mục 6550)               | 6.839.400   |   |
|     | Hội nghị (mục 6650)                     | 1.890.000   |   |



Số: 782/QĐ-SGDĐT

Kiên Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc bổ sung dự toán ngân sách năm 2022**  
**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kiên Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 đối với các sở, ban, ngành tỉnh;*

*Theo Thông báo số 290/TB-STC ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Sở Tài chính về việc bổ sung dự toán ngân sách năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao dự toán bổ sung ngân sách năm 2022, kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP cho vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (theo phụ lục 1 đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ bổ sung dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 được giao: Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm lập dự toán chi tiết để thực hiện, bảo đảm việc quản lý chặt chẽ, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ được giao; đồng thời đề ra các biện pháp tổ chức thực hiện kinh phí miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập theo đúng quy định của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Nơi nhận :**

- Sở Tài chính (bản tổng hợp);
- KBNN tỉnh (bản tổng hợp);
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT; KHTC.

**GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Thiều Văn Nam**



**DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2022**

Đơn vị : Trường THPT Giồng Riềng

Hoạt động: Giáo dục Trung học phổ thông

Mã số 074

(Kèm theo Quyết định số 782 /QĐ-SGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo )

Đơn vị tính: đồng

| Stt       | Nội dung   | Tổng số            | Ghi chú |
|-----------|--|--------------------|---------|
| <b>I</b>  | <b>Thu, chi ngân sách về phí, lệ phí</b>                 |                    |         |
| <b>1</b>  | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                                |                    |         |
| <b>2</b>  | <b>Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại</b>              |                    |         |
| 2.1       | Bố trí chi 40% CCTL                                      |                    |         |
| 2.2       | Để lại chi bổ sung chi tại đơn vị                        |                    |         |
| <b>II</b> | <b>Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước cấp</b>           | <b>776.375.000</b> |         |
| <b>1</b>  | <b>Kinh phí giao tự chủ (MNNS 13)</b>                    | <b>770.375.000</b> |         |
|           | <i>Kinh phí thực hiện miễn giảm học phí - (Mục 7750)</i> | <i>770.375.000</i> |         |
| <b>2</b>  | <b>Kinh phí không giao tự chủ (MNNS 12)</b>              | <b>6.000.000</b>   |         |
|           | <i>Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập- (Mục 6150)</i>       | <i>6.000.000</i>   |         |
|           |  |                    |         |
|           |  |                    |         |
|           |  |                    |         |
|           |  |                    |         |

**Ghi chú:**

- Đối với các đơn vị ngân sách cấp bù học phí yêu cầu giữ lại 40% để tạo nguồn chi tăng lương theo quy định. Nguồn ngân sách cấp miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP đơn vị thực hiện đúng đối tượng; hồ sơ lưu đúng quy định.

- Đơn vị thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, đề nghị xây dựng phương án, xác định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của đơn vị gửi Sở GD&ĐT tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, ra quyết định.



Số:1514/QĐ-SGDĐT

Kiên Giang, ngày 18 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách năm 2022**

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 109/2020/TT-BTC ngày 25/12/2020 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kiên Giang;*

*Căn cứ Quyết định số 3210/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 đối với các sở, ban, ngành tỉnh;*

*Theo Thông báo số 503/TB-STC ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Sở Tài chính về việc tham tra điều chỉnh dự toán chi ngân sách năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 cho các đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (theo phụ lục 1 đính kèm).

**Điều 2.** Căn cứ dự toán điều chỉnh, bổ sung thu, chi ngân sách năm 2022 được giao: Thủ trưởng đơn vị có trách nhiệm lập dự toán chi tiết để thực hiện, bảo đảm việc quản lý chặt chẽ, hiệu quả hoàn thành nhiệm vụ được giao; đồng thời đề ra các biện pháp tổ chức thực hiện đúng quy định của Nhà nước.

**Điều 3.** Chánh văn phòng, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Nơi nhận :**

- Sở Tài chính (bản tổng hợp);
- KBNN tỉnh (bản tổng hợp);
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT; KHTC.

**GIÁM ĐỐC**  
**THỦ GIÁM ĐỐC**  
  
**Thiếu Văn Nam**





**DIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2022**

Đơn vị: Trường THPT Giồng Riềng

Hoạt động: Đào tạo sau đại học

Mã số 082

(Kèm Công văn số: 1541/SGDDT-KHTC ngày 16/11/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

12

Đơn vị tính: đồng

| Stt | Nội dung  | Tổng số    | Ghi chú   |
|-----|---|------------|---|
| I   | Thu, chi ngân sách vé phí, lệ phí   |            |   |
| II  | Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước<br>cấp                                | 73.082.000 |   |
|     | Trong đó:   |            |   |
| 1   | Kinh phí giao tự chủ (MNS 13)   |            |   |
| 2   | Kinh phí không giao tự chủ (MNS 12)                                       | 73.082.000 | Kinh phí đào tạo sau Đại học. Tiền học phí, chi phí đào tạo và tài liệu thanh toán (Tiểu mục 6758); Hỗ trợ tiền ăn, tiền ở thanh toán (Tiểu mục 6155), Tiền tàu xe; Hỗ trợ người dân tộc thiểu số, tiền luận văn tốt nghiệp và tiền hỗ trợ cán bộ, công chức là nữ thanh toán (Tiểu mục 6199) |
| 2.1 | Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học (Mục 6150) | 12.782.000 |   |
| 2.2 | Công tác phí (Mục 6700)   |            |   |
| 2.3 | Chi phí thuê mượn (Mục 6750)  | 60.300.000 |   |

